| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN GIỒNG TRÔM**<br>**TỈNH BẾN TRE** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **104**/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 22/11/2017
*V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Võ Thế Trang Đền.
*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Bé.
2. Ông Trần Văn Ân.

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Bùi Thị Thùy Dung, Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Thương – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 319/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2017 về việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Bé Ng, sinh năm: 1982;
Địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre.
*2. Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn D, sinh năm: 1982;
Địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, chị Ng có mặt, anh D vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ngày 20/7/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phạm Thị Bé Ng trình bày:*

Chị và anh D chung sống với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P vào năm 2006. Hôn nhân do tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc đến khoảng tháng 8 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn được. Anh chị đã ly thân từ khoảng tháng 01 năm 2017 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị có yêu cầu được ly hôn với anh D.

Trong quá trình chung sống, chị và anh D có 02 con chung tên Nguyễn Thụy Kim X, sinh ngày 07/02/2007 và Nguyễn Thị Hòa A, sinh ngày 19/5/2000,

hiện đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/8/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Văn D trình bày:*

Anh thống nhất như lời trình bày của chị Ng về thời gian sống chung, kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung. Theo anh giữa vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì để vợ anh phải xin ly hôn với anh. Cách nay 06 tháng anh bắt đầu đi làm nghề bơm cát ở xã L, huyện T, thỉnh thoảng vài ngày anh có về nhà thăm vợ con một lần, anh vẫn chăm lo cho gia đình vợ con, không để xảy ra mâu thuẫn gì.

Nay vợ anh yêu cầu xin ly hôn thì anh không đồng ý, anh còn thương vợ con, anh muốn vợ chồng hàn gắn để cùng chăm lo cho các con.

Về con chung: Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì con muốn sống với ai người đó sẽ trực tiếp nuôi, người kia không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: nếu Tòa án giải quyết anh và vợ anh ly hôn thì anh có yêu cầu chia, nhưng anh không cung cấp cho Tòa án tài sản chung gồm có những gì được, anh sẽ cung cấp sau.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Thẩm phán đã xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, đúng quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ trong quá trình tố tụng. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng theo quy định của pháp luật, vô tư, khách quan. Các đương sự nguyên đơn, bị đơn đều chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Tình trạng hôn nhân giữa anh D và chị Ng đã trầm trọng không thể hàn gắn được việc chị Bé Ng xin ly hôn với anh D là có cơ sở chấp nhận. Trong quá trình chung sống anh D và chị Ng có 02 con chung, cần giao cả hai con chung cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận chị Bé Ng không yêu cầu anh D cấp dưỡng cho con.

Tài sản chung và nợ chung, chị Bé Ng không yêu cầu nên không xem xét. Đối với yêu cầu của anh D, Tòa án đã ấn định cho anh D thời gian cung cấp chứng cứ về yêu cầu của anh D nhưng an D không cung cấp nên không thể xem xét được. Nếu sau này anh D có tranh chấp về tài sản chung sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:* Anh Nguyễn Văn D là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh D.

- *Về nội dung vụ án:*

*Về hôn nhân:* Anh Nguyễn Văn D và chị Phạm Thị Bé Ng sống với nhau vào năm 2006. Hôn nhân của anh chị do tự nguyện và được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới. Anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 29/11/2006 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bến Tre. Hôn nhân của anh D và chị Ng là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc thời gian dài sau đó thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, anh D và chị Ng đã có thời gian chung sống không có hạnh phúc. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh D và chị Ng đã trầm trọng vì anh D và chị Ng đã sống ly thân với nhau từ khoảng tháng 01 năm 2017 cho đến nay, không có thời gian đoàn tụ, không có thời gian chăm sóc lẫn nhau như vợ chồng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, sau khi Tòa án nhận đơn xin ly hôn của chị Ng, Tòa án đã tiến hành hòa giải và động viên chị Ng về sống đoàn tụ với anh D nhưng chị Ng vẫn cương quyết giữ yêu cầu xin được ly hôn. Như vậy, chứng tỏ tình trạng hôn nhân không thể cải thiện được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ng là phù hợp.

Xét yêu cầu xin đoàn tụ của anh D là không có cơ sở, anh D không đưa ra được chứng cứ để chứng minh khả năng đoàn tụ của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của anh D.

*Về con chung:* Trong thời gian chung sống anh D và chị Ng có hai con là Nguyễn Thụy Kim X, sinh ngày 07/02/2007 và Nguyễn Thị Hòa A, sinh ngày 19/5/2008. Hiện nay cả hai cháu Kim X và Hòa A đều đang chung sống với chị Ng. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị Ng và anh D sống ly thân cho đến nay, chị Ng là người trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, chị vẫn đảm bảo quyền và lợi ích cho trẻ. Mặt khác, cả hai cháu Kim X và Hòa A đều trên 07 tuổi, Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến tham khảo của hai cháu, cả hai cháu đều có ý kiến như nhau: Sau khi cha mẹ không còn chung sống với nhau nữa (cha mẹ ly hôn) thì cả hai cháu muốn tiếp tục sống chung với mẹ. Do đó, không nên làm xáo trộn về tâm lý của trẻ nên Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết nên giao cả hai con chung cho chị Ng tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, để hai cháu được ổn định tâm sinh lý và việc học hành, anh D cũng đồng ý về quyết định của hai con. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của anh D và chị Ng về việc giao cả hai con chung cho chị Ng tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên.

Về việc cấp dưỡng cho con: Theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì người không trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên chị Ng không có yêu cầu anh D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của chị Ngân nên ghi nhận.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Chị Ng không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với yêu cầu chia tài sản chung của anh D, Tòa án đã có ấn định cho anh D thời gian để làm đơn yêu cầu và cung cấp chứng cứ về việc yêu cầu chia tài sản chung của anh D, nhưng đã hết thời hạn Tòa án ấn định mà anh D vẫn không có đơn yêu cầu và cũng không cung cấp chứng cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì khởi kiện bằng vụ án khác.

*Về án phí:* Buộc chị Ng phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Bé Ngân. Chị Phạm Thị Bé Ng được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Văn D và chị Phạm Thị Bé Ng có 02 con là Nguyễn Thụy Kim X, sinh ngày 07/02/2007 và Nguyễn Thị Hòa A, sinh ngày 19/5/2008. Giao cả 02 con chung cho chị Phạm Thị Bé Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn D không phải cấp dưỡng cho con chung và được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh D thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84, Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị Bé Ng không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì khởi kiện vụ án khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Phạm Thị Bé Ng phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Ng đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0011823 ngày 20/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Chị Ng đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày: Đối với nguyên đơn có mặt tại tòa thì kể từ ngày tuyên án; Đối với bị đơn vắng mặt tại tòa thì kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú của bị đơn có quyền kháng cáo đối với bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- UBND xã P, huyện T;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Võ Thế Trang Đền**